

Số: 42/2019/QĐST - HNGĐ

Yên Mô, ngày 2 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ thụ vụ án dân sự thụ lý số: 99/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1985

HKTT: Xóm 9, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Hiện trú tại: Đường 10, thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Đỗ Tiến D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm 9, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Tiến D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Tiến D xác định vợ chồng ó một con chung là cháu Đỗ Gia H1 - sinh ngày 9/9/2018. Chị H và anh D thống nhất giao cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đỗ Gia H1, anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Gia H1 được chung sống với chị H. Anh D được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Chị H và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị H có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh D không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. *Về tài sản chung và công nợ*: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Tiến D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nên không đề nghị giải quyết.

2.3. *Về án*

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Tiến D thống nhất chị Vũ Thị H nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng: Anh Đỗ Tiến D phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng chị H và anh Dũng thống nhất để chị H nộp thay tiền án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh D.

Tổng số tiền án phí chị H phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002088 ngày 12/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Mỹ.
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa